

**Danh sách các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có đất thu hồi thực hiện dự án: Đầu tư xây dựng Khu đô thị thể thao Olympic**  
**Địa bàn Thôn Văn Khê, xã Tam Hưng, thành phố Hà Nội (Đợt 2)**  
 (Ban hành kèm theo Thông báo số: /TB - UBND ngày / /2026 của ủy ban nhân dân xã Tam Hưng)

STT	Chủ sử dụng đất	Số CCCD	Địa chỉ thường trú	Theo thông tin trích đo thửa đất nằm trong phạm vi thực hiện dự án							Thông tin thửa đất theo GCNQSD đất					
				Xứ	Tờ bản đồ	Số thửa	Diện tích thửa đất (m <sup>2</sup> )	Diện tích đất thu hồi dự kiến (m <sup>2</sup> )	Diện tích còn lại dự kiến (m <sup>2</sup> )	Loại đất	Số tờ	Số thửa	Diện tích (m <sup>2</sup> )	Loại đất	Số phát hành	Ngày cấp
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)
<b>1</b>	<b>Đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân là:</b>					<b>103</b>	<b>82.004,9</b>	<b>79.006,8</b>	<b>2.998,1</b>			<b>101</b>	<b>83.008,9</b>			
1	Nguyễn Tiến Lũy chết - Vợ Dương Thị Mong'	001178020740	Thôn Văn Khê, xã Tam Hưng, TP, Hà Nội	Đồng Quai Cháo	43	2	312,4	135,9	176,5	LUC	00	2	444,8	LUC	CH 210531	30/12/2016
2	Phan Thị Ngọc	001165006233	Thôn Văn Khê, xã Tam Hưng, TP, Hà Nội	Đồng Quai Cháo	43	11	836,2	651,4	184,8	LUC	00	11	836,2	LUC	CH 117452	22/12/2016
3	Bùi Văn Thịnh	001057018716	Thôn Văn Khê, xã Tam Hưng, TP, Hà Nội	Đồng Chi huyện	42	259	1.601,0	1.601,0	0,0	LUC	00	09	1601,0	LUC	CE397955	29/09/2016
4	Dương Thị Hợp	001177005177	Thôn Văn Khê, xã Tam Hưng, TP, Hà Nội	Đồng Chi huyện	42	266	252,0	252,0	0,0	LUC	00	07	252,0	LUC	CE 397244	29/09/2016
5	Bùi Thị Y	001184037331	Thôn Văn Khê, xã Tam Hưng, TP, Hà Nội	Đồng Chi huyện	42	265	360,0	360,0	0,0	LUC	00	12	360,0	LUC	CE 397246	29/09/2016
6	Phan Văn Bẩm (Phan Ngọc Bẩm)	001058041235	Thôn Văn Khê, xã Tam Hưng, TP, Hà Nội	Đồng Đầu Cầu	42	209	1.766,0	1.766,0	0,0	LUC	00	3	1766,0	LUC	CH 117489	22/12/2016
7	Nguyễn Thị Chi chết - Con Đặng Xuân Khánh	001059019975	Thôn Văn Khê, xã Tam Hưng, TP, Hà Nội	Đồng Đầu Cầu	42	222	213,0	213,0	0,0	LUC	00	3/4	213,0	LUC	CE 586268	30/09/2016
				đồng Thối cỏ	43	144	450,0	450,0	0,0	LUC	00	3/8	450,0	LUC	CE 586268	30/09/2016
8	Đặng Xuân Thương	001073020467	Thôn Văn Khê, xã Tam Hưng, TP, Hà Nội	Đồng Đầu Cầu	42	223	426,0	426,0	0,0	LUC	00	3/5	426,0	LUC	CE 586269	30/09/2016
				đồng Thối cỏ	43	142	348,0	348,0	0,0	LUC	00	3/9	348,0	LUC	CE 586269	30/09/2016
9	Dương Văn Thặng	001085025559	Thôn Văn Khê, xã Tam Hưng, TP, Hà Nội	Đồng Đầu Cầu	42	229	249,0	249,0	0,0	LUC	00	4/3	249,0	LUC	CE586259	30/09/2016
				đồng Thối cỏ	43	181	550,0	550,0	0,0	LUC	00	4/3	550,0	LUC		30/09/2016
10	Dương Văn Thán	001077000142	Thôn Văn Khê, xã Tam Hưng, TP, Hà Nội	Đồng Đầu Cầu	42	231	249,0	249,0	0,0	LUC	00	4/2	249,0	LUC	CE586257	30/09/2016
				đồng Thối cỏ	43	169	550,0	550,0	0,0	LUC	00	4/2	550,0	LUC		30/09/2016
11	Dương Thị Ánh (Dương Thị Anh)	001186043803	Thôn Văn Khê, xã Tam Hưng, TP, Hà Nội	Đồng Đầu Cầu	42	234	360,0	360,0	0,0	LUC	00	4/6	360,0	LUC	CE586229	30/09/2016
				đồng Thối cỏ	43	155	390,0	390,0	0,0	LUC	00	3/5	390,0	LUC		
12	Dương Lâm Sơn	001201007482	Thôn Văn Khê, xã Tam Hưng, TP, Hà Nội	Đồng Đầu Cầu	42	246	599,0	599,0	0,0	LUC	00	10	599,0	LUC	CE397970	29/09/2016
13	Đặng Trung Kiên	001084032855	Thôn Văn Khê, xã Tam Hưng, TP, Hà Nội	Đồng Đầu Cầu	42	249	572,0	572,0	0,0	LUC	00	11	572,0	LUC	CE586276	30/09/2016
				đồng Thối cỏ	43	174	408,0	408,0	0,0	LUC	00	06	408,0	LUC		30/09/2016
14	Lê Thị Thanh Hà	001162002090	Thôn Văn Khê, xã Tam Hưng, TP, Hà Nội	Đồng Đầu Cầu	42	260	1.000,0	1.000,0	0,0	LUC	00	13	1000,0	LUC	CE39740	29/09/2016
				đồng Thối cỏ	43	161	172,0	172,0	0,0	LUC	00	4a	172,0	LUC		29/09/2016
15	Đỗ Văn Chung	001084016369	Thôn Văn Khê, xã Tam Hưng, TP, Hà Nội	Đồng Chi huyện	42	271	227,0	227,0	0,0	LUC	00	08	227,0	LUC	CE397952	29/09/2016

STT	Chủ sử dụng đất	Số CCCD	Địa chỉ thường trú	Theo thông tin trích đo thửa đất nằm trong phạm vi thực hiện dự án							Thông tin thửa đất theo GCNQSD đất					
				Xứ	Tờ bản đồ	Số thửa	Diện tích thửa đất (m <sup>2</sup> )	Diện tích đất thu hồi dự kiến (m <sup>2</sup> )	Diện tích còn lại dự kiến (m <sup>2</sup> )	Loại đất	Số tờ	Số thửa	Diện tích (m <sup>2</sup> )	Loại đất	Số phát hành	Ngày cấp
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)
16	Phan Văn Minh (1957)	001057005801	Thôn Văn Khê, xã Tam Hưng, TP, Hà Nội	Đồng Quai Cháo	43	57	710,0	710,0	0,0	LUC	00	18	710,0	LUC	CE 397255	29/09/2016
17	Nguyễn Văn Thịnh (chết) - Dương Thị Phương	001164040314	Thôn Văn Khê, xã Tam Hưng, TP, Hà Nội	đồng Xà Tre	43	66	1.107,0	1.107,0	0,0	LUC	00	05	1107,0	LUC	CE397948	29/09/2016
				Đồng Mo	53	24	998,0	998,0	0,0	LUC	00	08	998,0	LUC		29/09/2016
18	Bùi Ngọc Dậu	001045003700	Thôn Văn Khê, xã Tam Hưng, TP, Hà Nội	đồng Xà Tre	43	127	786,0	786,0	0,0	LUC	00	11	786,0	LUC	CE397283	29/09/2016
19	Dương Văn Quý	001064037036	Thôn Văn Khê, xã Tam Hưng, TP, Hà Nội	Đồng Đầu Cầu	43	131	1.100,0	1.100,0	0,0	LUC	00	17	1100,0	LUC	CE586281	30/09/2016
20	Bùi Thị Hải Lý	001173039559	Thôn Văn Khê, xã Tam Hưng, TP, Hà Nội	đồng Xà Tre	43	133	400,0	400,0	0,0	LUC	00	12	400,0	LUC	CE397282	29/09/2016
21	Phan Văn Võ	001084043694	Thôn Văn Khê, xã Tam Hưng, TP, Hà Nội	đồng Xà Tre	43	31	127,5	20,9	106,6	LUC	00	02	349,0	LUC	CE 397946	29/09/2016
22	Nguyễn Văn Ngọc	001058004405	Thôn Văn Khê, xã Tam Hưng, TP, Hà Nội	Đồng Quai Cháo	43	3	862,4	646,3	216,1	LUC	00	03	862,4	LUC	CH 117475	22/12/2016
				đồng Nhà Rẽ	44	11	311,4	132,4	179,0	LUC	00	2	806,7	LUC	CH 117475	22/12/2016
23	Hoàng Thị Quý	001178016127	Thôn Văn Khê, xã Tam Hưng, TP, Hà Nội	đồng Xà Tre	43	151	486,0	486,0	0,0	LUC	00	02	486,0	LUC	CE586246	30/09/2016
24	Nguyễn Văn Tuấn (1959)	001059021870	Thôn Văn Khê, xã Tam Hưng, TP, Hà Nội	Đồng Mo	53	235	1.114,1	947,2	166,9	LUC	00	12	1.114,1	LUC	CE 397237	29/09/2016
25	Nguyễn Văn Nghi	001063001945	Thôn Văn Khê, xã Tam Hưng, TP, Hà Nội	Đồng Mo	53	3	1.754,0	1.754,0	0,0	LUC	00	03	1754,0	LUC	CE397956	29/09/2016
26	Dương Thị Pha	001148020575	Thôn Văn Khê, xã Tam Hưng, TP, Hà Nội	đồng Diễm	53	116	54,0	54,0	0,0	LUC	00	6	54,0	LUC	CH117495	22/12/2016
27	Nguyễn Văn Bái (1957)	001057007034	Thôn Văn Khê, xã Tam Hưng, TP, Hà Nội	Đồng Nhà Rẽ	44	12	1.142,5	1.056,4	86,1	LUC	00	03	1142,5	LUC	CE 397248	29/09/2016
28	Đỗ Văn Dũng (1981)	001081002856	Thôn Văn Khê, xã Tam Hưng, TP, Hà Nội	Đồng Quai Cháo	43	5	111,1	22,0	89,1	LUC	00	09	212,5	LUC	CE 397945	29/09/2016
29	Dương Lâm Sơn	001201007482	Thôn Văn Khê, xã Tam Hưng, TP, Hà Nội	đồng Thối cò	43	179	814,0	814,0	0,0	LUC	00	05	814,0	LUC	CE397970	29/09/2016
30	Nguyễn Thị Vui	001159011899	Thôn Văn Khê, xã Tam Hưng, TP, Hà Nội	Đồng Man sang	53	32	1.453,0	1.453,0	0,0	LUC	00	04	1453,0	LUC	CE397357	29/09/2016
31	Lê Thị Hạnh	001174018459	Thôn Văn Khê, xã Tam Hưng, TP, Hà Nội	Đồng Quai Cháo	43	7	4.123,0	4.123,0	0,0	LUC	00	02	4123,0	LUC	CE397235	29/09/2016
32	Lê Thị Bẩy (1969)	001169021369	Thôn Văn Khê, xã Tam Hưng, TP, Hà Nội	Đồng Quai Cháo	43	12	382,0	382,0	0,0	LUC	00	4/3	382,0	LUC	CE586280	30/09/2016
33	Lê Thị Vân chết - Con Dương Văn Viễn	001070043382	Thôn Văn Khê, xã Tam Hưng, TP, Hà Nội	đồng Xà Tre	43	137	144,0	144,0	0,0	LUC	00	10	415,0	LUC	CH210533	30/12/2016
				đồng Xà Tre	43	163	271,0	271,0	0,0	LUC						
34	Đỗ Thị Nhận	001160027575	Thôn Văn Khê, xã Tam Hưng, TP, Hà Nội	Đồng Quai Cháo	43	23	402,0	402,0	0,0	LUC	00	7	402,0	LUC	CH117461	22/12/2016
35	Nguyễn Thị Lý	001169011185	Thôn Văn Khê, xã Tam Hưng, TP, Hà Nội	Đồng Quai Cháo	43	29	1.153,0	1.153,0	0,0	LUC	00	07	1153,0	LUC	CE586255	30/09/2016
36	Bùi Duy Ngọc	001071000170	Thôn Văn Khê, xã Tam Hưng, TP, Hà Nội	Đồng Quai Cháo	43	38	446,0	446,0	0,0	LUC	00	19	446,0	LUC	CH117481	22/12/2016
				đồng Xà Tre	43	138	812,0	812,0	0,0	LUC	00	2	812,0	LUC		22/12/2016

STT	Chủ sử dụng đất	Số CCCD	Địa chỉ thường trú	Theo thông tin trích đo thửa đất nằm trong phạm vi thực hiện dự án							Thông tin thửa đất theo GCNQSD đất					
				Xứ	Tờ bản đồ	Số thửa	Diện tích thửa đất (m <sup>2</sup> )	Diện tích đất thu hồi dự kiến (m <sup>2</sup> )	Diện tích còn lại dự kiến (m <sup>2</sup> )	Loại đất	Số tờ	Số thửa	Diện tích (m <sup>2</sup> )	Loại đất	Số phát hành	Ngày cấp
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)
37	Nguyễn Thị Hà	001155001947	Thôn Văn Khê, xã Tam Hưng, TP, Hà Nội	Đồng Quai Cháo	43	42	813,0	813,0	0,0	LUC	00	06	813,0	LUC	CE586256	30/09/2016
38	Dương Hoàng Diệu	001087019292	Thôn Văn Khê, xã Tam Hưng, TP, Hà Nội	Đồng Quai Cháo	43	40	360,0	360,0	0,0	LUC	00	12	360,0	LUC	CE397404	29/09/2016
39	Phan Ngọc Phách	001057026275	Thôn Văn Khê, xã Tam Hưng, TP, Hà Nội	Đồng Quai Cháo	43	63	710,0	710,0	0,0	LUC	00	08	710,0	LUC	CE397254	29/09/2016
40	Nguyễn Thị Tâm	001180026630	Thôn Văn Khê, xã Tam Hưng, TP, Hà Nội	đồng Xà Tre	43	68	200,0	200,0	0,0	LUC	00	02	200,0	LUC	CE397964	9/2/2016
41	Phan Thị Quyên	001174009856	Thôn Văn Khê, xã Tam Hưng, TP, Hà Nội	Đồng Quai Cháo	43	79	504,0	504,0	0,0	LUC	00	06	504,0	LUC	CE397279	29/09/2016
42	Nguyễn Thị Thúy	001178023120	Thôn Văn Khê, xã Tam Hưng, TP, Hà Nội	đồng Xà Tre	43	82	200,0	200,0	0,0	LUC	00	03	200,0	LUC	CE397963	29/09/2016
43	Dương Văn Huân	001081014821	Thôn Văn Khê, xã Tam Hưng, TP, Hà Nội	Đồng Chi huyện	52	24	735,0	735,0	0,0	LUC	00	09	735,0	LUC	CE586406	30/09/2016
44	Lê Mai Phương	001189032825	Thôn Văn Khê, xã Tam Hưng, TP, Hà Nội	Đồng Man sang	52	72	210,0	210,0	0,0	LUC	00	04	210,0	LUC	CE397398	29/09/2016
45	Lê Thị Kim Tuyết	001187037926	Thôn Văn Khê, xã Tam Hưng, TP, Hà Nội	Đồng Man sang	52	75	210,0	210,0	0,0	LUC	00	3/3	210,0	LUC	CE397397	29/09/2016
46	Lê Văn Thòa	001049014314	Thôn Văn Khê, xã Tam Hưng, TP, Hà Nội	Đồng Man sang	52	93	2.478,0	2.478,0	0,0	LUC	00	6	2478,0	LUC	CH117501	22/12/2016
47	Dương Văn Dũng	001078047895	Thôn Văn Khê, xã Tam Hưng, TP, Hà Nội	đồng Xà Tre	43	121	591,0	591,0	0,0	LUC	00	11	591,0	LUC	CE 397239	29/09/2016
48	Dương Văn Lâm chết - Vợ Đặng Thị Kỳ	001149009277	Thôn Văn Khê, xã Tam Hưng, TP, Hà Nội	Đồng Chi huyện	52	43	415,0	415,0	0,0	LUC	00	6	415,0	LUC	CH 117487	22/12/2016
49	Nguyễn Văn Lễ	001061007288	Thôn Văn Khê, xã Tam Hưng, TP, Hà Nội	Đồng Nhà Rẽ	44	2	193,6	55,7	137,9	LUC	00	01	233,0	LUC	CE 397234	29/09/2016
50	Dương Văn Tịnh chết - Vợ Nguyễn Thị Xuân	001155013512	Thôn Văn Khê, xã Tam Hưng, TP, Hà Nội	Đồng Mo	43	175	1.813,0	1.813,0	0,0	LUC	00	5	1813,0	LUC	CH 117499	22/12/2016
51	Nguyễn Văn Phước	001077011898	Thôn Văn Khê, xã Tam Hưng, TP, Hà Nội	Đồng Quai Cháo	43	13	606,8	520,2	86,6	LUC	00	13	606,8	LUC	CH 117447	22/12/2016
				đồng Diễm	53	132	297,0	297,0	0,0	LUC	00	1	297,0	LUC		22/12/2016
52	Nguyễn Văn Bằng (chết) (Ông My - bố Đ D)	001037002854	Thôn Văn Khê, xã Tam Hưng, TP, Hà Nội	Đồng Man sang	52	71	540,0	540,0	0,0	LUC	00	06	540,0	LUC	CE 397359	29/09/2016
53	Nguyễn Thị Mỹ	001158040205	Thôn Văn Khê, xã Tam Hưng, TP, Hà Nội	Đồng Quai Cháo	43	4	2.133,5	2.017,0	116,5	LUC	00	1	2133,5	LUC	CH117500	22/12/2016
54	Đỗ Thị Vân Trang	001186027285	Thôn Văn Khê, xã Tam Hưng, TP, Hà Nội	Đồng Nhà Rẽ	44	17	540,6	444,4	96,2	LUC	00	05	540,6	LUC	CE 397373	29/09/2016
55	Phan Thị Tuyết	001188016932	Thôn Văn Khê, xã Tam Hưng, TP, Hà Nội	Đồng Man sang	52	78	720,0	720,0	0,0	LUC	00	03	720,0	LUC	CE 397947	29/09/2016
56	Phan Thị Tới	001165006437	Thôn Văn Khê, xã Tam Hưng, TP, Hà Nội	Đồng Nhà Rẽ	44	15	566,6	440,8	125,8	LUC	0	4	566,6	LUC	CH 117492	22/12/2016
57	Dương Thị Năm	001155005650	Thôn Văn Khê, xã Tam Hưng, TP, Hà Nội	Đồng Chi huyện	52	22	2.242,0	2.242,0	0,0	LUC	00	1+2+4	2242,0	LUC	CH 117466	22/12/2016
58	Lê Thị Thu	001181021262	Thôn Văn Khê, xã Tam Hưng, TP, Hà Nội	Đồng Man sang	52	109	1.587,0	1.587,0	0,0	LUC	00	01	1587,0	LUC	CE 397409	29/09/2016
59	Phan Thị Lơ	001170002108	Thôn Văn Khê, xã Tam Hưng, TP, Hà Nội	Đồng Man sang	52	108	959,0	959,0	0,0	LUC	0	2	959,0	LUC	CH 117493	22/12/2016
60	Đỗ Văn Sơn 1987	001087014096	Thôn Văn Khê, xã Tam Hưng, TP, Hà Nội	Đồng Chi huyện	52	36	1.284,0	1.284,0	0,0	LUC	00	5+4	1284,0	LUC	CH 117439	22/12/2016
61	Phan Thị Tinh	001156005174	Thôn Văn Khê, xã Tam Hưng, TP, Hà Nội	Đồng Mạn Song	52	53	1.196,0	1.196,0	0,0	LUC	00	01	1196,0	LUC	CE397355	29/09/2016

STT	Chủ sử dụng đất	Số CCCD	Địa chỉ thường trú	Theo thông tin trích đo thửa đất nằm trong phạm vi thực hiện dự án							Thông tin thửa đất theo GCNQSD đất									
				Xứ	Tờ bản đồ	Số thửa	Diện tích thửa đất (m <sup>2</sup> )	Diện tích đất thu hồi dự kiến (m <sup>2</sup> )	Diện tích còn lại dự kiến (m <sup>2</sup> )	Loại đất	Số tờ	Số thửa	Diện tích (m <sup>2</sup> )	Loại đất	Số phát hành	Ngày cấp				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)				
62	Lê Thị Nhung	001156027957	Thôn Văn Khê, xã Tam Hưng, TP, Hà Nội	Đồng Man sang	52	83	2.163,0	2.163,0	0,0	LUC	00	1	2163,0	LUC	CH 117463	22/12/2016				
63	Nguyễn Thị Vân	001172024832	Thôn Văn Khê, xã Tam Hưng, TP, Hà Nội	Đồng Man sang	52	131	1.000,0	1.000,0	0,0	LUC	00	02	1000,0	LUC	CE 397410					
64	Nguyễn Hữu Cầu	001072043834	Thôn Văn Khê, xã Tam Hưng, TP, Hà Nội	Đồng Man sang	52	105	271,0	271,0	0,0	LUC	00	10	271,0	LUC	CH 117477	22/12/2016				
65	Đỗ Văn Dũng (1971)	001071015520	Thôn Văn Khê, xã Tam Hưng, TP, Hà Nội	Đồng Quai Chảo	43	6	1.460,0	1.231,9	228,1	LUC	00	06	1460,0	LUC	CE 397354	29/09/2016				
66	Phạm Văn Biền	001052012006	Thôn Văn Khê, xã Tam Hưng, TP, Hà Nội	đồng Diễm	53	114	1.185,0	1.185,0	0,0	LUC	00	01	1185,0	LUC	CE 397979	29/09/2016				
67	Phan Thị Hương	001177030006	Thôn Văn Khê, xã Tam Hưng, TP, Hà Nội	Đồng Man sang	52	101	486,0	486,0	0,0	LUC	00	08	486,0	LUC	CE 586242	30/09/2016				
68	Phạm Thị Huệ	001182022158	Thôn Văn Khê, xã Tam Hưng, TP, Hà Nội	đồng Diễm	53	104	360,0	360,0	0,0	LUC	00	03	360,0	LUC	CE 397980	29/09/2016				
69	Phạm Văn Kế	001073029624	Thôn Văn Khê, xã Tam Hưng, TP, Hà Nội	đồng Diễm	53	133	1.251,0	1.251,0	0,0	LUC	00	03	1251,0	LUC	CH 117449	22/12/2016				
70	Lê Văn Hữu	001070015844	Thôn Văn Khê, xã Tam Hưng, TP, Hà Nội	đồng Diễm	53	118	1.846,0	1.846,0	0,0	LUC	00	02	1846,0	LUC	CE 397341	20/09/2016				
71	Phan Văn Tuấn 1985	024085012704	Thôn Văn Khê, xã Tam Hưng, TP, Hà Nội	Đồng Mo	53	25	1.349,0	1.349,0	0,0	LUC	00	04	1349,0	LUC	AA 04692935	10/02/2026				
72	Phan Văn Tuấn 1984	001084073385	Thôn Văn Khê, xã Tam Hưng, TP, Hà Nội	đồng Diễm	53	106	561,0	561,0	0,0	LUC	00	05	561,0	LUC	CE 397938	29/09/2016				
73	Phạm Văn Hà	001077013022	Thôn Văn Khê, xã Tam Hưng, TP, Hà Nội	Đồng Diễm	53	38	649,0	649,0	0,0	LUC	00	1+2	1745,0	LUC	CH 117469	22/12/2016				
				đồng Diễm	53	78	1.096,0	1.096,0	0,0	LUC				LUC		22/12/2016				
74	Phan Văn Minh (1964)	001064024756	Thôn Văn Khê, xã Tam Hưng, TP, Hà Nội	Đồng Mo	53	6	1.971,0	1.971,0	0,0	LUC	00	06	1971,0	LUC	CH 117486	22/12/2016				
75	Đương Thị Huyền	001181031860	Thôn Văn Khê, xã Tam Hưng, TP, Hà Nội	Đồng Quai Chảo	43	16	501,9	420,1	81,8	LUC	00	12+14	501,9	LUC	CH 117494	22/12/2016				
				Đồng Quai Chảo	43	20	684,5	631,0	53,5	LUC						00	12+14	684,5	LUC	22/12/2016
				đồng Diễm	53	127	352,0	352,0	0,0	LUC						00	2+3	352,0	LUC	22/12/2016
76	Đương Văn Hương	001063001364	Thôn Văn Khê, xã Tam Hưng, TP, Hà Nội	đồng Diễm	53	126	914,0	914,0	0,0	LUC	00	1	914,0	LUC	CH 117505	22/12/2016				
77	Phan Ngọc Quý	001180018640	Thôn Văn Khê, xã Tam Hưng, TP, Hà Nội	Đồng Man sang	52	99	486,0	486,0	0,0	LUC	00	07	486,0	LUC	CE 586243	30/09/2016				
78	Phan Văn Triệu	001089014147	Thôn Văn Khê, xã Tam Hưng, TP, Hà Nội	đồng Xà Tre	43	48	623,6	501,3	122,3	LUC	00	06	623,6	LUC	CE 586253	30/09/2016				
				Đồng Man sang	53	47	1.369,0	1.369,0	0,0	LUC						00	05	1369,0	LUC	30/09/2016
79	Nguyễn Văn Hoàn	001082003519	Thôn Văn Khê, xã Tam Hưng, TP, Hà Nội	đồng Xà Tre	43	205	283,6	236,8	46,8	LUC	00	7	283,6	LUC	CH 117474	22/12/2016				
				Đồng Man sang	53	43	360,0	360,0	0,0	LUC						00	5	360,0	LUC	22/12/2016
80	Lê Văn Sinh (1974)	001074011443	Thôn Văn Khê, xã Tam Hưng, TP, Hà Nội	Đồng Man sang	53	12	540,0	540,0	0,0	LUC	00	03	540,0	LUC	CE 397368	29/09/2016				
81	Đỗ Văn Bích	001061010535	Thôn Văn Khê, xã Tam Hưng, TP, Hà Nội	Đồng Nhà Rẽ	44	4	1.422,5	1.068,9	353,6	LUC	00	02	1422,5	LUC	CE 397258	29/09/2016				

STT	Chủ sử dụng đất	Số CCCD	Địa chỉ thường trú	Theo thông tin trích đo thửa đất nằm trong phạm vi thực hiện dự án							Thông tin thửa đất theo GCNQSD đất					
				Xứ	Tờ bản đồ	Số thửa	Diện tích thửa đất (m <sup>2</sup> )	Diện tích đất thu hồi dự kiến (m <sup>2</sup> )	Diện tích còn lại dự kiến (m <sup>2</sup> )	Loại đất	Số tờ	Số thửa	Diện tích (m <sup>2</sup> )	Loại đất	Số phát hành	Ngày cấp
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)
82	Đỗ Thanh Khiêm	001078014520	Thôn Văn Khê, xã Tam Hưng, TP, Hà Nội	Đồng Nhà Rẽ	44	23	1.595,8	1.450,2	145,6	LUC	00	02	1595,8	LUC	CE397372	29/09/2016
83	Dương Quang Tăng	001075005773	Thôn Văn Khê, xã Tam Hưng, TP, Hà Nội	Đồng Chi huyện	52	33	811,0	811,0	0,0	LUC	00	10	825,0	LUC	CE586285	30/09/2016
84	Dương Văn Tùng (1992)	001092040523	Thôn Văn Khê, xã Tam Hưng, TP, Hà Nội	đồng Xà Tre	43	45	503,7	449,4	54,3	LUC	00	02	503,7	LUC	CE 397369	29/09/2016
85	Nguyễn Văn Nhị	001073029487	Thôn Văn Khê, xã Tam Hưng, TP, Hà Nội	đồng Xà Tre	43	44	148,2	94,9	53,3	LUC	00	4	148,2	LUC	CH117467	22/12/2016
86	Phan Văn Thơ (Ông Phan Văn Thơ đã chết)- bà Dương Thị Chuyển đại diện (vợ)	001172008705	Thôn Văn Khê, xã Tam Hưng, TP, Hà Nội	đồng Xà Tre	43	65	701,4	610,7	90,7	LUC	00	1	701,4	LUC	CH 117456	22/12/2016
<b>II</b>	<b>Đất của tổ chức</b>					<b>11</b>	<b>34.690,0</b>	<b>34.690,0</b>	<b>0,0</b>							
87	UBND xã			Đồng Man sang	52	106	4.084,5	4.084,5	0,0	LUC						
				Đồng Man sang	52	111	2.070,0	2.070,0	0,0	LUC						
				Đồng Man sang	52	113	9.700,1	9.700,1	0,0	LUC						
				Đồng Man sang	52	116	5.128,1	5.128,1	0,0	LUC						
				Đồng Man sang	53	72	2.386,7	2.386,7	0,0	LUC						
				Đồng Man sang	53	82	2.091,6	2.091,6	0,0	LUC						
				Đồng Man sang	53	92	2.019,1	2.019,1	0,0	LUC						
				Đồng Man sang	53	101	1.792,0	1.792,0	0,0	LUC						
				Đồng Man sang	53	109	1.947,5	1.947,5	0,0	LUC						
				Đồng Man sang	53	137	1.869,7	1.869,7	0,0	LUC						
		Đồng Man sang	53	140	1.600,7	1.600,7	0,0	LUC								
<b>TỔNG CỘNG (I) + (II):</b>						<b>114</b>	<b>116.694,9</b>	<b>113.696,8</b>	<b>2.998,1</b>							